

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lương Thị Xuân.

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên họp:
Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 142/2025/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Thị P, sinh năm 1998; địa chỉ: Bon A, xã B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã C, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn S – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã C, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.*

2. Ông Điều T, sinh năm 1991; địa chỉ: Bon A, xã B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 08 tháng 9 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự người yêu cầu là bà Thị P trình bày:

Bà Thị P và ông Điều T đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Nông (nay là UBND xã C, tỉnh Lâm Đồng). Trong Giấy chứng nhận kết hôn thì bà Thị P sinh năm 1989. Theo Căn cước công dân, giấy khai sinh thì bà Thị P sinh ngày 11 tháng 4 năm 1998. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với ông Điều T ngày 22 tháng 4 năm 2014 bà P mới được 16 tuổi 11 ngày. Như vậy, theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình bà P chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Nay bà P yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận

quan hệ hôn nhân của bà và ông Điều T tính từ thời điểm bà P đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Điều T trình bày lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự: Bà Thị P có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Điều T, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 22/4/2014 thì bà Thị P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật chức quan hệ vợ chồng giữa ông bà vẫn hạnh phúc.

Sau khi được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì bà P thay đổi yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Điều T và bà Thị P tính từ thời điểm bà P đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Điều T đồng ý với yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P tính từ thời điểm bà P đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lâm Đồng trình bày: Ủy ban nhân dân xã C là cơ quan kế thừa các nhiệm vụ đã được các cơ quan, đơn vị trước sáp nhập thực hiện và không có ý kiến gì về nội dung vụ việc này.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Về giải quyết yêu cầu của các đương sự: Ông Điều T và bà Thị P đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2014 ngày 22/4/2014. Như vậy, có thể xác định ông T và bà P kết hôn ngày 22/4/2014. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy khai sinh và Căn cước công dân của bà Thị P có đủ cơ sở xác định ngày, tháng, năm sinh đúng của bà P là ngày 11/4/1998. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà P mới được 16 tuổi 11 ngày. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc kết hôn giữa ông T và bà P theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã C là trái quy định pháp luật về điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định khi kết hôn nữ phải từ 18 tuổi trở lên. Tại thời điểm bà P có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân từ khi bà P đủ tuổi kết hôn thì ông bà đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T đồng ý việc bà P yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà kể từ khi bà P đủ tuổi kết hôn. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1]. Bà Thị P có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND xã C và công nhận quan hệ hôn nhân của bà và ông Điều T kể từ khi bà đủ tuổi kết hôn. Yêu cầu của bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 và khoản 11 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2]. Ông Điều T, bà Thị P và đại diện Ủy ban nhân dân xã C vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của người yêu cầu, thấy: Ông T và bà P đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã C. Theo Căn cước công dân, giấy khai sinh của bà P thể hiện bà P sinh ngày 11 tháng 4 năm 1998. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn với ông T ngày 22 tháng 4 năm 2014 bà P mới được 16 tuổi 11 ngày. Việc kết hôn giữa ông T và bà P là trái quy định pháp luật về điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định khi kết hôn nữ phải từ 18 tuổi trở lên. Tại thời điểm bà P có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân thì ông bà đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình và theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T đồng ý với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của ông và bà P kể từ khi bà P đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án cần chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông T và bà P kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2016 là phù hợp với nguyện vọng của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên họp là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà P phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát

cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 11 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01- 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Thị P.

Công nhận quan hệ hôn nhân của bà Thị P và ông Điều T kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2016.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0004445 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lương Thị Xuân

TANDKV7-LD

